

Bản án số: **89/2018/HNGĐ-ST**  
Ngày 17-7-2018  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Minh Út.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Tấn Tài.

Bà Trần Lệ Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị N, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp 11, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17-5-2018, nguyên đơn là chị Trương Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Trần Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M vào ngày 17-3-2014. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn nhưng không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên Trần Thị T (nữ), sinh ngày 12-6-2010 và Trần Gia H (nam), sinh ngày 03-11-2013; hiện nay các con đang chung sống với chị N. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của con muốn

chung sống với ai thì người đó nuôi dưỡng; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 09-7-2018, chị N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

*Tại bản tự khai ngày 27-6-2018, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng. Nay anh T đồng ý ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: Anh và chị N có 02 con chung tên Trần Thị T và Trần Gia H. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao cả 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh T thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, anh T xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại văn bản ngày 06-7-2018, con chung là Trần Thị T xác định hiện nay đang sống với chị N. Trường hợp Tòa án chấp nhận chị N và anh T ly hôn thì nguyện vọng của cháu T được sống chung với anh Trần Văn T; cháu T không nêu lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị N và anh Trần Văn T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng chị N và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị N và anh Trần Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 17-3-2014 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, thấy rằng: Tại bản tự khai, anh T thống nhất ly hôn với chị N. Sự thống nhất ly hôn của chị N và anh T là trên tinh thần tự nguyện, không trái với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên Trần Thị T (nữ), sinh ngày 12-6-2010 và Trần Gia H (nam), sinh ngày 03-11-2013; hiện nay các con đang chung sống với chị N. Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho con chung sau khi ly hôn nên chị N tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Trường hợp sau khi ly hôn, chị N và anh T có phát sinh tranh

chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị N, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị N ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị N và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trương Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 17 tháng 5 năm 2018, chị N đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0011973 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trương Thị N và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã K, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Dương Minh Út**